

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	1
1.	Thông tin khái quát.....	1
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
5.	Định hướng phát triển.....	3
6.	Các rủi ro	4
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	5
1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	5
2.	Tổ chức và nhân sự.....	6
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	7
4.	Tình hình tài chính.....	7
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	8
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	9
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.....	9
2.	Tình hình tài chính.....	9
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	9
4.	Kế hoạch SXKD năm 2019	9
5.	Giải trình của BGD với ý kiến kiểm toán	10
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	10
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	10
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	10
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	10
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	10
1.	Hội đồng quản trị.....	11
1.1.	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị	11
1.2.	Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	11
1.3.	Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	11
1.4.	Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.....	11
1.5.	Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm	11

2.	Ban kiểm soát	12
2.1.	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	12
2.2.	Hoạt động của Ban Kiểm soát	12
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	13
3.1.	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	13
3.2.	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	13
3.3.	Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.....	13
3.4.	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	13
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	13

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.
- Tên tiếng Anh: Vinh Long Cereal and Food Import Export Corporation.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1500170900 do Sở Kế hoạch Đầu tư Vĩnh Long cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30/8/2019.
- Vốn điều lệ: 119.599.820.000 VND (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng Việt Nam).
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2018): -93.270.698.032 đồng.
- Trụ sở chính : 38 đường 2 tháng 9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: (070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712.- Fax: (070) 3823 773.
- Website: www.vinhlongfood.com.vn. Email: vinhlongfood@hcm.vnn.vn.
- Mã cổ phiếu: VLF.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1. Ngày thành lập:

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh long được chuyển đổi từ DNNN sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01/08/2006 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, chính thức đi vào hoạt động vào ngày 29/12/2006, tiền thân là Công ty Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.

2.1.2. Thời điểm niêm yết:

Ngày 21/12/2010, toàn bộ cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu VLF.

Ngày 13/5/2016 cổ phiếu của Công ty toàn bộ được chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom)

2.1.3 Thời gian các mốc sự kiện quan trọng:

Năm 2007: Công ty chuyển sang Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 52 tỷ đồng. Cũng trong năm này, Công ty xây dựng hoàn chỉnh vùng kho Xí nghiệp CBLT số 8 (nay là XN mỹ Thới) và Xí nghiệp Bao Bi, 2 Xí nghiệp này chính thức hoạt động từ tháng 4 và 5/2007. Chuyển đổi Xí nghiệp CBLT số 1 thành Xí nghiệp CB Nông sản và mở rộng thêm ngành hàng kinh doanh nông sản các loại từ tháng 8/2007.

Năm 2009: Ngày 22/9/2009, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thưởng 1:1 để tăng vốn điều lệ từ 52 tỷ đồng lên 104 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sự chấp thuận của UBCKNN.

Năm 2010: Ngày 25/10/2010, Công ty triển khai Dự án nhà máy chế biến lương thực xuất khẩu tại huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang. Dự án được triển khai trên diện tích 78.000 m² với sức chứa lên đến 57.000 tấn. Ngày 12/11/2010 Công ty đã quyết định thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lương thực Kiên Nông với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng từ Nhà máy chế biến này.

Năm 2011: Ngày 25/8/2011, Công ty được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định số 109 của Chính phủ. Ngày 26/11/2011, Công ty khánh thành Xí nghiệp Tam Bình tại ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình tổng diện tích trên 8.400 m², sức chứa là 12.000 tấn gạo các loại; 2 dây chuyền lau bóng gạo năng suất 16 tấn/giờ, khả năng chế biến gạo các loại trên 70.000 tấn/năm.

Năm 2012: Công ty thực hiện việc tăng vốn từ 104 tỷ đồng lên 119.599.820.000 đồng vào ngày 07/08/2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:3.

Ngày 14 tháng 12 năm 2012 tại phiên họp Hội đồng Quản trị lần thứ 5, Hội đồng quản trị đã thống nhất cho Công ty mua Nhà Máy thức ăn thủy sản Domyfeed với tổng trị giá 100.000.000.000 đồng.

2.2. Các thành tích đã đạt được:

Qua 25 năm hình thành, với 20 năm kinh doanh đạt hiệu quả Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã được Chủ tịch nước, Các Bộ ngành, UBND Tỉnh ban tặng nhiều danh hiệu, bằng khen như Huân chương lao động hạng nhất, Bằng khen Doanh nghiệp phát triển đúng hướng và bền vững, tiêu biểu trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, chấp hành tốt chính sách thuế, Doanh nhân tiêu biểu DBSCL, liên tục được Bộ Công thương công nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm chính của Công ty:

Sản xuất chế biến và kinh doanh lương thực (xuất khẩu và cung ứng gạo các loại): Công ty có 1 xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu, 01 nhà máy xay xát lúa. Hệ thống kho tàng Công ty có sức chứa gần 50.000 tấn, năng lực sản xuất chế biến 100.000 tấn/năm. Sản phẩm xuất khẩu chính: gạo trắng, gạo lức, gạo thơm, gạo nếp và gạo tằm các loại. Thị trường xuất khẩu chủ yếu Châu Á và Châu phi. Ngoài ra, Công ty còn cung ứng xuất khẩu cho các đơn vị trong nước.

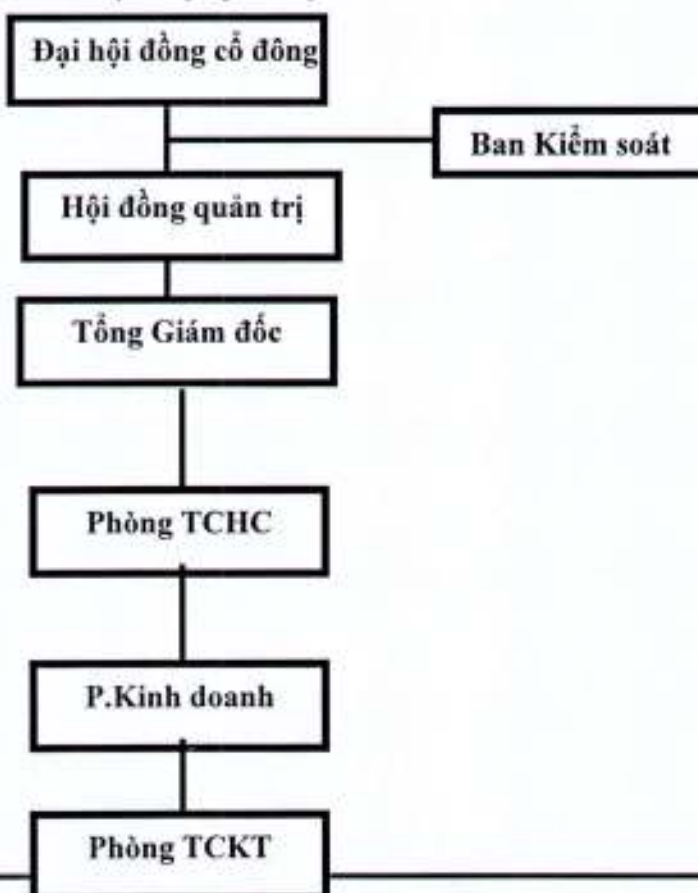
3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

1. Xí nghiệp Tam Bình

Số 18A, tổ 7, ấp Mỹ Phú, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:



4.2 Các công ty con, công ty liên kết

4.2.1 Công ty nắm giữ 100% vốn góp: Không có

4.2.2 Công ty có trên 50% vốn góp:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Xay xát, sấy và lau bóng gạo xuất khẩu	80 tỷ	60%

4.2.3 Công ty góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Cty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ	Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận	Du lịch	87,4 tỷ	2,86%
Nhà máy bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất rượu bia, nước giải khát	150 tỷ	1,00%

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu:

- Xác định gạo là mặt hàng kinh doanh chủ lực, tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục đổi mới bộ máy và phương thức quản lý, điều hành cho phù hợp với điều kiện và năng lực thực tế.
- Cùng cố và ổn định tình hình tài chính, nhân sự, ... đảm bảo đủ nguồn lực phục vụ cho hoạt động chính yếu của Công ty.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược thị trường:

+ Thị trường trong nước: tập trung khai thác nhu cầu tiêu thụ nội địa để tăng sản lượng bán gạo.

+ Thị trường nước ngoài: tiếp tục củng cố, giữ vững và ổn định các thị trường nhập khẩu gạo chủ yếu của Công ty như: thị trường Châu á và Châu phi; áp dụng các biện pháp thường xuyên như gặp gỡ trực tiếp để trao đổi thông tin, ưu tiên chào hàng, có chính sách về giá phù hợp và cùng hợp tác giải quyết những vấn đề khó khăn để giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống. Định hướng và tập trung khai thác thêm các thị trường tiềm năng bằng cách tổ chức đoàn trực tiếp đi khảo sát, nghiên cứu thị trường.

- Chiến lược sản phẩm và chất lượng sản phẩm:

+ Quy hoạch lại vùng kho có nguồn nguyên liệu dồi dào

+ Tập trung đầu tư thiết bị cho các Xí nghiệp để nâng cao chất lượng, phẩm cấp gạo do Công ty sản xuất, nhằm tăng giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Tăng cường kiểm soát chất lượng gạo từ khâu nguyên liệu đầu vào, bảo quản, dự trữ đến khâu sản xuất chế biến gạo để đạt chất lượng cao.

+ Kết hợp cùng với Sở NN- PTNT và các Sở ban ngành chức năng của các Tỉnh có Xí nghiệp của Công ty quy hoạch vùng lúa chuyên canh, thuần chủng chất lượng để từng bước thực hiện chiến lược thị trường, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu khách hàng.

- Chiến lược về tài chính kế toán:

- + Quản lý nguồn vốn chặt chẽ cũng như tăng cường công tác giám sát tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả nhằm ngăn ngừa mọi rủi ro trong công tác kế toán.
- + Khai thác hiệu quả nguồn ngoại tệ, dự báo tình hình biến động tỷ giá để có chính sách vay và trả nợ VND/USD phù hợp.
- + Xây dựng được hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp cho Ban Lãnh đạo những thông tin kế toán kịp thời, phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh, sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực của Công ty.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển. Hàng năm các xí nghiệp đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.
- Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm tiêu thụ điện, nước và vật tư phục vụ sản xuất, nâng cao năng lực xếp dỡ hàng hóa.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh doanh:

Do đặc thù của Ngành nên trong kinh doanh, Công ty sẽ gặp các rủi ro sau:

- Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào
- Rủi ro về biến động giá gạo xuất khẩu: nguồn cung dồi dào từ Ấn Độ, Thái Lan ảnh hưởng trực tiếp giá gạo xuất khẩu Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp nội địa cùng ngành trong xuất khẩu và thu mua lúa gạo như đầu cơ, ghim hàng chờ giá lên cao, hoặc đim giá gạo xuống thấp.
- Rủi ro về thị trường tiêu thụ: các thị trường tiêu thụ truyền thống như Phillipine, Indonesia, Malaysia giảm nhập khẩu do thực hiện chương trình tự túc lương thực.
- Rủi ro về nguồn vốn hoạt động: Khi lãi suất tăng cao hoặc ngân hàng thắt chặt tín dụng, Công ty sẽ khó khăn trong việc tạo vốn để duy trì và phát triển kinh doanh.
- Rủi ro từ kinh tế và các chính sách của Nhà nước: các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, mất cân đối cung cầu lương thực trong và ngoài nước... đều tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty kinh doanh trong ngành lương thực nên bất kỳ những thay đổi nào từ chính sách Nhà nước đều tác động đến Công ty. Chính sách không ổn định hoặc thiếu độ dài cũng có tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp xuất khẩu.

Để quản lý các rủi ro trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải linh hoạt nhạy bén trong việc nắm bắt và phân tích kỹ thông tin thị trường để đưa ra những quyết sách theo từng thời điểm mua - bán - tồn kho thích hợp để tạo hiệu quả cao nhất.

6.2. Rủi ro ngoại tệ và lãi suất:

- Rủi ro ngoại tệ: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

- Rủi ro lãi suất: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của Công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Sự biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

6.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách ban hành quy chế bán hàng, phân công Phòng TCKT thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này và theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

6.5. Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Trị giá (đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.025.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.025.000
4	Giá vốn hàng bán	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.025.000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.857.417.394
7	Chi phí tài chính	18.342305.770
	Trong đó: chi phí lãi vay	17.937.933.146
8	Phần lãi hoặc lỗ trong Cty liên doanh, liên kết	
9	Chi phí bán hàng	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.622.282.464
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(21.102.965.840)
12	Thu nhập khác	11.242.189.965
13	Chi phí khác	7.227.758
14	Lợi nhuận khác	11.234.962.207
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.868.003.633)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3.755.909.158
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.623.912.791)
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(13.623.912.791)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.139)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 10 năm 2014
Ông Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 12 năm 2006

Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

Ông TRẦN THANH HÙNG	: Tổng Giám đốc
Năm sinh	: 1965
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - Kế toán tổng hợp
Sở hữu cá nhân (10/05/2016)	: 0 cổ phiếu
Ông PHAN NGỌC BÌNH	: Kế toán trưởng
Năm sinh	: 1975
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế TCKT
Sở hữu cá nhân (15/10/2018)	: 3.601 cổ phiếu

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số lao động tại thời điểm 1/1/2018	26 người
Tăng trong kỳ	0 người
Giảm trong kỳ	03 người
- Tổng hiện có của Công ty là	23 người.

2.3.2 Trình độ chuyên môn:

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	18	78%
Cao đẳng		
Trung cấp	1	4%
Lao động phổ thông	4	18%
Tổng	23	100%-

2.3.3 Chính sách đối với người lao động :

- **Chế độ lương:** Công ty trả lương cho người lao động theo hệ số công việc với từng vị trí/chức danh công việc. Năm 2018, mặc dù tình hình hoạt động Công ty gặp nhiều khó khăn

nhưng Công ty vẫn đảm bảo chi trả tiền lương cho người lao động đầy đủ kịp thời, thu nhập bình quân trong năm ở mức 6,4 triệu đồng/người/tháng.

- Bảo hiểm và phúc lợi :

- + Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định cho tất cả người lao động.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp ốm đau, hoàn cảnh khó khăn cho người lao động.
- + Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của người lao động.
- + Đầu tư nâng cấp cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi cho người lao động.
- + Có các chế độ phụ cấp cho nhân viên như: phụ cấp trách nhiệm.

2.3.4 Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:

- Đào tạo nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo chiều sâu về quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.
- Công ty thực hiện tuyển dụng đúng người cho đúng vị trí, tránh dư thừa nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Với năng lực hiện tại, đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường về sản phẩm của Công ty sẽ không tăng, Công ty không chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh nên không phát sinh khoản đầu tư lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

3.2.1 Công ty TNHH LT Kiên Nông

- Ngày thành lập : Tháng 11/2011
- Địa điểm : Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
- Vốn điều lệ : 80 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 60% (Tỷ lệ góp vốn thực tế 100%)
- Tiến độ xây dựng : đã hoàn thành việc san lấp mặt bằng và hệ thống trạm điện.
- Tổng tài sản 31/12 2018 : 12.939.204.338 đồng
- Vốn chủ sở hữu 31/12/2018: 7.295.915.737 đồng

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	2017	2018	%(+tăng/-giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	124.039.758.072	90.180.939.960	-27%
2	Doanh thu thuần	7.066.303.376	4.205.000	-100%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(30.898.043.261)	(21.102.965.840)	-31,7%
4	Lợi nhuận khác	1.863.502.350	11.234.962.207	503%
5	Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	5.266.389.286		-100%
6	Lợi nhuận trước thuế	(29.034.540.911)	(9.868.003.633)	-66%
7	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(30.768.960.815)	(13.623.912.791)	-55,7%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- ✓ Tổng số cổ phần đã phát hành: 11.959.982 cổ phần
- ✓ Loại cổ phần đã phát hành: cổ phần phổ thông
- ✓ Cổ phần tự do chuyển nhượng: 11.959.982 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

* Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	4.784.000	40,00%	1
2	Cá nhân	3.982.000	33,29%	320
2.1	- Trong nước	3.932.818	32,89%	315
	+ Cổ đông lớn	611.800	5,12%	1
	+ Cổ đông nhỏ	3.321.018	27,77%	314
2.2	- Ngoài nước	49.182	0,41%	5
	+ Cổ đông nhỏ	49.182	0,41%	5
3	Tổ chức	3.193.982	26,71%	12
3.1	- Trong nước	3.186.470	26,64%	10
	+ Cổ đông lớn	2.792.864	23,35%	1
	+ Cổ đông nhỏ	393.606	3,29%	9
3.2	- Ngoài nước	56.694	0,06%	2
	+ Cổ đông lớn	-	0,00%	0
	+ Cổ đông nhỏ	7.512	0,06%	2
	Tổng cộng	11.959.982	100,00%	333

+ Cổ đông Nhà nước

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM (Nay là TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 333, Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận I, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 38 292 342 Fax: (84-8) 38 298 001

Email: vsfc@fmail.vnn.vn Website: <http://www.vinafood2.com>

+ Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	333, Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM	4.784.000	40.00 %
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	1-5 Trần Hưng Đạo, Q 1. TP.HCM	2.792.864	23.35 %

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
3	Nguyễn Thị Tuyết Minh	153/4 Võ Văn Tần, P6, Q3 TPHCM	611.800	5,12%
Tổng cộng			8.188.664	68,47%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có chứng khoán khác. Công ty không có các cam kết chưa thực hiện liên quan đến việc phát hành chứng khoán đến thời điểm hiện tại.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Năm 2018, Công ty không còn vốn để hoạt động kinh doanh, nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục bị lỗ 21,10 tỷ đồng do gánh chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, lợi nhuận từ thu nhập khác khoảng 11,23 tỷ đồng nên lợi nhuận trước thuế năm 2018 còn lỗ 9,87 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN lỗ 13,62 tỷ đồng.

- Hoạt động chủ yếu trong năm 2018 là thực hiện nhiệm vụ thu hồi nợ và xử lý các tài sản đã thế chấp Ngân hàng theo qui định pháp luật.

2. Tình hình tài chính

Tính đến thời điểm 31/12/2018, tình hình tài chính của Công ty như sau:

- Tổng tài sản của Công ty còn 90,181 tỷ đồng; trong đó tài sản ngắn hạn là 41,331 tỷ đồng, tài sản dài hạn 48,849 tỷ đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu âm 93,270 tỷ đồng (trong đó lỗ lũy kế sau thuế 250,151 tỷ đồng) và nợ phải trả ngắn hạn là 183,451 tỷ đồng (trong đó nợ gốc Ngân hàng 125,511 tỷ đồng, lãi vay 57,571 tỷ đồng).

Như vậy, các khoản nợ ngắn hạn đã lớn hơn tài sản ngắn hạn là 142,127 tỷ đồng, yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty (Công ty đã rơi vào tình trạng bế tắc nguồn vốn hoạt động và đứng trước nguy cơ phá sản từ các năm trước).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không thay đổi.

4. Kế hoạch SXKD năm 2019:

4.1 Nhận định tình hình :

Thực trạng Công ty: sẽ càng khó khăn hơn do nguồn vốn chủ sở hữu âm, nợ phải trả ngắn hạn cao hơn tài sản ngắn hạn, dư nợ còn nhiều, tài sản cố định khó bán, nguồn vốn hoạt động không còn.

4.2 Mục tiêu SXKD:

Trên cơ sở tình hình thực tế, Công ty đề ra nhiệm vụ năm 2019 như sau :

- Kết hợp với Thi hành án tiếp tục thu hồi các khoản nợ đang trong giai đoạn thi hành án.
- Kết hợp với Thi hành án xử lý các tài sản của Docimexco theo qui định pháp luật.

- Thực hiện các Nghị Quyết/ chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo từng thời điểm.

4.3 Kế hoạch thực hiện:

4.3.1 Về tài chính :

Tập trung thu hồi nợ: kết hợp với Thi hành án và dịch vụ đòi nợ thuê tăng cường theo dõi, giám sát và nắm bắt các thông tin về tình hình tài chính, tài sản của khách hàng để thu hồi nợ kịp thời.

5. Giải trình của BGD với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 hoạt động chủ yếu của Công ty là thu hồi công nợ, nợ vay quá hạn ngân hàng lớn và các khoản nợ vay chuyển thành nợ xấu. Các nguyên nhân cụ thể xuất phát từ nguyên nhân lỗi phát sinh từ năm 2013 và đã được Ban Điều hành nêu cụ thể trong báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2018.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị đã thể hiện được sự cố gắng và trách nhiệm của mình đối với công tác lãnh chỉ đạo các hoạt động của Công ty, từng bước giảm lỗ để tạo tiền đề tìm phương án, giải pháp khắc phục tồn tại của công ty. Trước những thách thức nghiêm trọng, các ngân hàng đã khởi kiện do vi phạm thời hạn thanh toán nợ vay, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt các giải pháp giải quyết tình trạng tồn đọng trong thời gian qua bằng các biện pháp như: xúc tiến thu hồi công nợ, trả nợ, xin miễn giảm lãi quá hạn/phạt, hợp tác cơ quan thi hành án trong việc trả nợ và thu nợ, tiết giảm chi phí hoạt động, bảo quản tài sản, ... để duy trì hoạt động, giảm lỗ từng bước tháo gỡ khó khăn.

Tuy vẫn còn đó nhiều vấn đề cần phải đặt biệt quan tâm ở phía trước và việc tháo gỡ khó khăn, thách thức vẫn là bài toán rất khó và cần có thời gian, con người. Thời gian qua HĐQT đã thực hiện chức trách của mình trong công tác quản trị hoạt động Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng Cổ đông đưa ra.

2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban Điều hành tổ chức triển khai. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giảm nhân lực. Đứng trước tình hình khó khăn của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động các giải pháp cần thiết, để hoạt động của Công ty được duy trì.

Ngoài ra, Ban Điều Hành đã phối hợp tốt với các tổ chức Đảng, Đoàn thể trong công ty nhằm động viên người lao động làm việc trong điều kiện Công ty khó khăn.

Bên cạnh những mặt tích cực trên, trong năm 2018 công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc vẫn còn một số tồn tại khách quan như công nợ phải thu chưa thu hồi được hết, công nợ phải trả ngân hàng có tăng thêm do lãi quá hạn; chưa tìm được phương án, giải pháp để từng bước phục hồi hoạt động SXKD có lãi, chưa khai thác hết nguồn lực (tài sản, con người) hiện có của công ty để bổ sung tăng thu nhập/giảm gánh nặng chi phí;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở thực trạng khó khăn bế tắc của Công ty, HĐQT trình kế hoạch ngắn hạn và dài hạn như sau:

- Tiếp tục duy trì hoạt động của công ty để bảo quản tài sản, thu hồi công nợ và thực hiện thi hành án trả nợ;
- Tìm giải pháp, phương án xin Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi vay;
- Chủ động cân đối chi phí hoạt động đạt hiệu quả;
 - Khai thác các nguồn thu bổ sung từ nguồn lực hiện có;
 - Tìm kiếm Nhà đầu tư tham gia để tái cấu trúc công ty nhằm phục hồi, và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Xem xét phương án phá sản trong trường hợp xét thấy đảm bảo lợi ích của các cổ đông và/hoặc phù hợp qui định pháp luật.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	CP sở hữu	Phân loại thành viên	Ghi chú
1	Trần Chí Dũng	20	Đại diện cổ đông lớn	Thay thế ông Châu Hiếu Dũng từ ngày 10/04/2018
2	Phạm Văn Ân	20	Đại diện cổ đông lớn	
5	Đoàn Minh Thư	38	Đại diện cổ đông lớn	
6	Vũ Thị Mười		Đại diện cổ đông lớn	

1.2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp, ban hành 04 Nghị quyết để thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, bám sát các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

- Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị:

+ Ông Trần Chí Dũng tham gia thành viên Hội đồng quản trị thay ông Châu Hiếu Dũng kể từ ngày 10/04/2018, và được bầu chủ tịch HĐQT ngày 16/8/2019.

+ Ông Nguyễn Văn Hưng tham gia thành viên Hội đồng quản trị thay ông Phạm Văn Ân kể từ ngày 16/08/2019.

- Kiện toàn nhân sự các chức danh chủ chốt:

+ Miễn nhiệm chức danh TGD đối với Ông Trần Thanh Hùng kể từ ngày 19/08/2019.

+ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thuận giữ chức danh TGD kể từ ngày 19/08/2019.

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Không có

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ Tên	Chức vụ	CP sở hữu
1	Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	38
2	Nguyễn Như Khoa	Thành viên	40
2	Nguyễn Trọng Khang	Thành viên	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C – chi nhánh Cần Thơ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm qua, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp đánh giá hoạt động tài chính kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2018.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: tr.đ

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp	Cộng
Ông Trần Chí Dũng	CT HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Phạm Văn Ân	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Đoàn Minh Thư	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Bà Vũ Thị Mười	TV HĐQT					
Trần Hữu Hiệp	Trưởng BKS	0	0	0	0	0
Nguyễn Như Khoa	TV BKS	0	0	0	0	0
Nguyễn Trọng Khang	TV BKS	0	0	0	0	0

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định về quản trị Công ty đại chúng quy mô lớn. Công ty luôn cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin: Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý; Báo cáo thường niên; Báo cáo quản trị Công ty và luôn cập nhật những thay đổi về hoạt động của Công ty, ... trên trang web của Công ty, báo cáo UBCKNN, Sở GDCKHN.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Theo BCTC hợp nhất từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Cần Thơ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG
THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 39

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-DMDN ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 23 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270. 3.822.512
- Fax : 0270. 3.823.773

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn gạo;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xây xát và sản xuất bột thô;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Chí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Bà Vũ Thị Mười	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2017
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Văn Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017

Theo Nghị quyết số 02/NQ.HĐQT ngày 13 tháng 4 năm 2018 các thành viên Hội đồng quản trị đã thống nhất miễn nhiệm Ông Châu Hiếu Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 Hội đồng quản trị chưa bầu Chủ tịch mới và đang chờ trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Khang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.




Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con – Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.5, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đang thực hiện vụ kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 25/10/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã ra bản án số 145/2016/HC-PT quyết định là hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm về khoản thuế TNDN bị truy thu này. Ngày 26/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra bản án số 10/2018/HC-ST về việc bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long về vấn đề trên. Và ngày 06/8/2018 Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tiếp tục

gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận bản án này. Hiện tại, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ thuần 13.623.912.791 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 250.151.918.112 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 142.119.947.862 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.4, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 04 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.331.690.130	56.555.357.919
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.369.084.500	8.627.262.899
1. Tiền	111		307.046.817	805.137.789
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.062.037.683	7.822.125.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.467.600	2.139.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.250.882	11.250.882
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(9.783.282)	(9.111.282)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.751.506.985	47.624.991.061
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	95.060.952.579	114.414.262.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.704.215.490	5.723.695.490
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	34.729.546.431	34.630.110.935
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(100.743.207.515)	(107.143.078.243)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		209.631.045	300.964.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		209.631.045	168.773.057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	132.191.302
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.849.249.830	67.484.400.153
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.902.735.339	44.942.283.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.280.613.315	32.232.133.316
- Nguyên giá	222		72.482.218.644	84.710.385.235
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.201.605.329)	(52.478.251.919)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	12.622.122.024	12.710.149.990
- Nguyên giá	228		13.400.828.294	13.400.828.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(778.706.270)	(690.678.304)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		823.614.676	823.614.676
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	823.614.676	823.614.676
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.017.621.789	17.811.007.093
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	5.250.000.000	14.154.317.792
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(232.378.211)	(343.310.699)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		105.278.026	3.907.495.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	105.278.026	151.585.920
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	3.755.909.158
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.180.939.960	124.039.758.072

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		183.451.637.992	194.782.225.521
I. Nợ ngắn hạn	310		183.451.637.992	194.782.225.521
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	33.955.000	53.095.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.367.680	37.908.712
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	57.571.602.695	47.118.519.007
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	276.328.000	276.328.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	125.511.552.613	147.244.542.798
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	51.832.004	51.832.004
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(93.270.698.032)	(70.742.467.449)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(93.270.698.032)	(70.742.467.449)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a	119.599.820.000	119.599.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a	37.281.400.080	37.281.400.080
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18a	(250.151.918.112)	(227.623.687.529)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(236.528.005.321)	(227.623.687.529)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(13.623.912.791)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		90.180.939.960	124.039.758.072

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2019


Phạm Thị Cẩm Nhung
 Người lập


Phan Ngọc Bình
 Kế toán trưởng




Trần Thanh Hùng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.205.000	7.066.303.376
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.205.000	7.066.303.376
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	7.063.212.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.205.000	3.090.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.857.417.394	1.104.488.380
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.342.305.770	17.343.639.025
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.937.933.146	17.409.379.184
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	-	5.266.389.286
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	152.620.400
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.622.282.464	19.775.752.473
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.102.965.840)	(30.898.043.261)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	11.242.189.965	3.097.042.169
13. Chi phí khác	32	VI.8	7.227.758	1.233.539.819
14. Lợi nhuận khác	40		11.234.962.207	1.863.502.350
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.868.003.633)	(29.034.540.911)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	3.755.909.158	1.734.419.904
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.623.912.791)	(30.768.960.815)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(13.623.912.791)	(30.768.960.815)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	(1.139)	(2.573)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	(1.139)	(2.573)


Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.868.003.633)	(29.034.540.911)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,V.8	4.784.865.254	6.095.855.639
- Các khoản dự phòng	03	V.2,V.6	(6.510.131.216)	3.048.546.209
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(89.972.784)	(29.889.590)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7	(11.932.042.252)	(8.737.978.434)
- Chi phí lãi vay	06		17.937.933.146	17.409.379.184
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.677.351.485)	(11.248.627.903)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.564.688.118	3.386.666.571
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	2.257.965.239
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.444.557.354	352.181.575
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		46.307.894	92.158.465
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	-	(987.103.802)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.378.201.881	(6.146.759.855)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		310.454.545	13.704.169.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	722.770.776	4.868.399.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.033.225.321	18.572.569.802

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(16.669.166.345)	(14.640.305.092)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.669.166.345)	(14.640.305.092)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.257.739.143)	(2.214.495.145)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.627.262.899	10.841.894.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(439.256)	(136.520)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.369.084.500	8.627.262.899

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2019



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng




Phan Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất – thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2018, Công ty không hoạt động sản xuất kinh doanh do không có vốn để sản xuất, tất cả các xí nghiệp chế biến lương thực đều đã ngưng hoạt động và xí nghiệp Tam Bình đã bị Ngân hàng phát mãi để thu nợ gốc và lãi.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông có trụ sở chính tại tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất – thương mại. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6c. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trụ sở chính tại số 26 đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh theo hệ thống chuỗi siêu thị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 26,25% (số đầu năm là 26,25%).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long (công ty liên kết của Công ty) được trình bày theo giá gốc vì ngày 20 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02 năm 2019, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long đã bàn giao giá trị khoản đầu tư này cho bên mua là Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh. Do đó, theo quy định tại Đoạn 9 của Chuẩn mực Kế toán số 07 thì khoản đầu tư này không được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 24 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 28 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (15 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phân ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	62.500.000	127.555.000
Tiền gửi ngân hàng	244.546.817	677.582.789
Các khoản tương đương tiền	6.062.037.683	7.822.125.110
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống	6.062.037.683	7.822.125.110
Cộng	6.369.084.500	8.627.262.899

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	8.162.500	762.000	(7.400.500)	8.162.500	1.284.000	(6.878.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng						
TMCP Sài Gòn-Hà Nội	3.088.382	705.600	(2.382.782)	3.088.382	855.600	(2.232.782)
Cộng	11.250.882	1.467.600	(9.783.282)	11.250.882	2.139.600	(9.111.282)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.111.282	9.894.282
Trích lập bổ sung	672.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(783.000)
Số cuối năm	9.783.282	9.111.282

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	5.250.000.000	5.250.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	-	8.904.317.792
Cộng	5.250.000.000	14.154.317.792

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.154.317.792	13.381.325.909
Lợi nhuận được chia	-	(4.493.397.403)
Phần lãi hoặc lỗ	-	5.266.389.286
Hoàn nhập khoản lãi từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu các năm trước	(8.904.317.792)	-
Số cuối năm	5.250.000.000	14.154.317.792

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

Trong năm, Tập đoàn không có phát sinh giao dịch với công ty liên kết (năm trước Tập đoàn phát sinh giao dịch nhận lợi nhuận từ Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long là công ty liên kết với số tiền là 4.493.397.403 VND).

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để thế chấp

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Vĩnh Long ⁽¹⁾	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ ⁽²⁾	2.500.000.000	(232.378.211)	2.500.000.000	(343.310.699)
Cộng	4.000.000.000	(232.378.211)	4.000.000.000	(343.310.699)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long (số đầu năm là 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ).
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 250.000 cổ phiếu, tương đương 2,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ (số đầu năm là 250.000 cổ phiếu, tương đương 2,86% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	343.310.699	408.332.858
Hoàn nhập dự phòng	(110.932.488)	(65.022.159)
Số cuối năm	<u>232.378.211</u>	<u>343.310.699</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>79.689.341.251</i>	<i>90.761.059.251</i>
Công ty Cổ phần Docimexco	79.689.341.251	90.761.059.251
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>15.371.611.328</i>	<i>23.653.203.628</i>
Các khách hàng khác	15.371.611.328	23.653.203.628
Cộng	<u>95.060.952.579</u>	<u>114.414.262.879</u>

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2018 có giá trị 79.689.341.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2018 có giá trị 12.566.864.887 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2018 có giá trị 94.496.782.579 VND Tập đoàn đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng	5.009.287.000	5.009.287.000
Các nhà cung cấp khác	694.928.490	714.408.490
Cộng	<u>5.704.215.490</u>	<u>5.723.695.490</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Cục thuế Vĩnh Long – thuế TNDN bị truy thu (*)	31.347.563.097	-	31.347.563.097	-
- Tạm ứng nhân viên	728.024.945	-	692.884.000	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.653.958.389 (173.159.046)		2.589.663.838 (173.159.046)	
Cộng	34.729.546.431 (173.159.046)		34.630.110.935 (173.159.046)	

(*) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bị truy thu cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 25/10/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã ra bản án số 145/2016/HC-PT quyết định là hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm về khoản thuế TNDN bị truy thu này. Ngày 26/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra bản án số 10/2018/HC-ST về việc bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long về vấn đề trên. Và ngày 06/8/2018 Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tiếp tục gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận bản án này.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		79.689.341.251	-	80.428.619.679	-	
<i>Công ty Cổ phần Docimexco – Phải thu khách hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	79.689.341.251	-	80.428.619.679	-	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		21.235.366.264	181.500.000	29.516.958.564	2.802.500.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		-	-	5.605.000.000	2.802.500.000	
	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	605.000.000	181.500.000	-	-	
	<i>Trên 03 năm</i>	20.630.366.264	-	23.911.958.564	-	
Cộng		100.924.707.515	181.500.000	109.945.578.243	2.802.500.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	107.143.078.243	103.270.636.142
Trích lập dự phòng bổ sung	-	3.872.442.101
Hoàn nhập dự phòng	(6.399.870.728)	-
Số cuối năm	100.743.207.515	107.143.078.243

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	41.468.837.853	39.419.509.485	3.556.965.728	265.072.169	84.710.385.235
Thanh lý, nhượng bán	(2.917.458.762)	(7.865.212.829)	(1.445.495.000)	-	(12.228.166.591)
Số cuối năm	38.551.379.091	31.554.296.656	2.111.470.728	265.072.169	72.482.218.644
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	555.999.352	11.562.816.895	-	265.072.169	12.383.888.416
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	19.077.180.093	30.411.292.204	2.724.707.453	265.072.169	52.478.251.919
Khấu hao trong năm	1.924.981.590	2.514.770.564	257.085.134	-	4.696.837.288
Thanh lý, nhượng bán	(2.359.565.509)	(7.292.126.164)	(1.321.792.205)	-	(10.973.483.878)
Số cuối năm	18.642.596.174	25.633.936.604	1.660.000.382	265.072.169	46.201.605.329
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.391.657.760	9.008.217.281	832.258.275	-	32.232.133.316
Số cuối năm	19.908.782.917	5.920.360.052	451.470.346	-	26.280.613.315
<i>Trong đó:</i>					
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.952.830.798 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16a).

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.308.266.294	92.562.000	13.400.828.294
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	13.308.266.294	92.562.000	13.400.828.294
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	92.562.000	92.562.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	598.116.304	92.562.000	690.678.304
Khấu hao trong năm	88.027.966	-	88.027.966
Số cuối năm	686.144.270	92.562.000	778.706.270
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.710.149.990	-	12.710.149.990
Số cuối năm	12.622.122.024	-	12.622.122.024

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.285.404.046 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16a).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ vô hình trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	823.614.676	-	-	823.614.676
<i>Công trình nhà máy xay sát, hệ thống sấy và lau bóng gạo</i>	823.614.676	-	-	823.614.676
Cộng	823.614.676	-	-	823.614.676

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	19.583.338	58.750.004
Các chi phí trả trước dài hạn khác	85.694.688	92.835.916
Cộng	105.278.026	151.585.920

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.755.909.158	(3.755.909.158)	-
Cộng	3.755.909.158	(3.755.909.158)	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Các công ty trong Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế năm 2014, năm 2015, năm 2016, năm 2017 và năm 2018 do không có khả năng thu hồi. Cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long:

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2014	74.089.822.966
Năm 2015	78.813.274.121
Năm 2016	44.337.994.126
Năm 2017	33.739.834.372
Cộng	230.980.925.585

Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông:

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2014	345.017.729
Năm 2015	341.515.212
Năm 2016	375.612.024
Năm 2017	232.449.564
Năm 2018	118.978.481
Cộng	1.413.573.010

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Phải trả người bán ngắn hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Nguyên Long Vĩnh Long	33.660.000	52.800.000
Các nhà cung cấp khác	295.000	295.000
Cộng	33.955.000	53.095.000

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>		
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số được hoàn</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	132.191.302	-	-	132.191.302	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.908.712	-	29.364.889	(60.905.921)	-	6.367.680	-
Thuế nhà đất, tiền	-	-	323.234.012	(323.234.012)	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>		
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số được hoàn</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
thuê đất							
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	86.530	(86.530)	-	-	-
Cộng	37.908.712	132.191.302	359.685.431	(391.226.463)		6.367.680	

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.945 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tiền lương phép phải trả		154.761.614
Chi phí lãi vay phải trả	57.021.602.695	46.263.757.393
Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng	550.000.000	700.000.000
Cộng	57.571.602.695	47.118.519.007

15. Phải trả ngắn hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả	276.328.000	276.328.000
Cộng	276.328.000	276.328.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cổ tức phải trả ⁽ⁱ⁾	276.328.000	276.328.000
Cộng	276.328.000	276.328.000

⁽ⁱ⁾ Do các đối tượng này không yêu cầu thanh toán.**16. Vay ngắn hạn****16a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.000.000.000</i>	-	<i>16.000.000.000</i>	-
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim ⁽ⁱ⁾	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>109.511.552.613</i>	-	<i>131.244.542.798</i>	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	109.511.552.613	-	131.244.542.798	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>35.601.382.413</i>	-	<i>35.601.382.413</i>	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>66.983.435.240</i>	-	<i>82.789.913.425</i>	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang</i>	-	-	5.000.000.000	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang ^(iv)</i>	<i>6.926.734.960</i>	-	<i>7.853.246.960</i>	-
Cộng	125.511.552.613	-	147.244.542.798	-

Tập đoàn chưa đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ vay của các ngân hàng.

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giấy chứng nhận góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long (xem thuyết minh V.2b).
- ⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7% - 8%/năm, thời hạn vay 04 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.7 và V.8).
- ⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay từ 02 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.3 và V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.7 và V.8) và thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phát mới tài sản	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	131.244.542.798	(90.412.040)	(16.669.166.345)	(4.973.411.800)	109.511.552.613
Vay ngắn hạn tổ chức khác	16.000.000.000	-	-	-	16.000.000.000
Cộng	147.244.542.798	(90.412.040)	(16.669.166.345)	(4.973.411.800)	125.511.552.613

16b. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Vay						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	16.000.000.000	4.617.499.998	20.617.499.998	16.000.000.000	2.427.499.998	18.427.499.998
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	35.601.382.413	18.457.718.979	54.059.101.392	35.601.382.413	14.317.082.036	49.918.464.449
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	66.983.435.240	32.926.825.319	99.910.260.559	82.789.913.425	21.927.276.203	104.717.189.628
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh An Giang	-	-	-	5.000.000.000	7.014.788.344	12.014.788.344
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	6.926.734.960	1.019.558.399	7.946.293.359	7.853.246.960	577.110.812	8.430.357.772
Cộng	125.511.552.613	57.021.602.695	182.533.155.308	147.244.542.798	46.263.757.393	193.508.300.191

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	2.990.000	2.990.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	48.842.004	48.842.004
Cộng	51.832.004	51.832.004

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	119.599.820.000	37.281.400.080	(196.854.726.714)	(39.973.506.634)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(30.768.960.815)	(30.768.960.815)
Số dư cuối năm trước	119.599.820.000	37.281.400.080	(227.623.687.529)	(70.742.467.449)
Số dư đầu năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	(227.623.687.529)	(70.742.467.449)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(13.623.912.791)	(13.623.912.791)
Hoàn nhập khoản lãi từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu các năm trước	-	-	(8.904.317.792)	(8.904.317.792)
Số dư cuối năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	(250.151.918.112)	(93.270.698.032)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	47.840.000.000	47.840.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	27.928.640.000
Các cổ đông khác	43.831.180.000	43.831.180.000
Cộng	119.599.820.000	119.599.820.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>		
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	-
Các cổ đông khác	43.831.180.000	36,65	43.831.180.000	-
Cộng	119.599.820.000	100	119.599.820.000	-

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.959.982	11.959.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.959.982	11.959.982
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.959.982	11.959.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.959.982	11.959.982
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****19a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	275.478.675	317.504.175
Trên 01 năm đến 05 năm	1.101.914.700	1.270.016.700
Trên 05 năm	7.266.800.331	8.526.376.131
Cộng	<u>8.644.193.706</u>	<u>10.113.897.006</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 3.945 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 2.910,13 USD (số đầu năm là 3.009,13 USD).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	7.043.576.104
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.205.000	22.727.272
Cộng	<u>4.205.000</u>	<u>7.066.303.376</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Docimexco	-	4.956.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	-	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	-	7.207.965.239
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(144.752.834)
Cộng	<u>-</u>	<u>7.063.212.405</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	47.726.376	124.774.269
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	305.509.124	141.747.558
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.020.110	29.548.083
Cổ tức, lợi nhuận được chia	675.044.400	375.002.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	39.592.583

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	89.972.784	29.889.590
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	363.933.897
Thu tiền thi hành án	738.144.600	-
Cộng	<u>1.857.417.394</u>	<u>1.104.488.380</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.937.933.146	17.409.379.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	514.633.112	65.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(110.260.488)	(65.805.159)
Cộng	<u>18.342.305.770</u>	<u>17.343.639.025</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	116.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	26.620.400
Các chi phí khác	-	10.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>152.620.400</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.887.223.969	6.007.900.277
Chi phí vật liệu quản lý	39.166.666	92.123.133
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.717.999	19.344.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.784.865.254	5.979.855.639
Thuế, phí và lệ phí	349.635.850	206.303.801
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.399.870.728)	3.872.442.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.386.736.259	457.971.619
Các chi phí khác	560.807.195	3.139.811.874
Cộng	<u>4.622.282.464</u>	<u>19.775.752.473</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.029.183.632	3.096.586.748
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	32.918.182	-
Thu nhập từ phần hoàn nhập lãi phải trả của HD bank	7.180.087.844	-
Thu nhập khác	307	455.421
Cộng	<u>11.242.189.965</u>	<u>3.097.042.169</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp thuế, Bảo hiểm xã hội	86.530	415.525.591
Chi phí sử dụng đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng	7.141.228	7.141.228
Chi phí khác	-	10.873.000
Cộng	<u>7.227.758</u>	<u>1.233.539.819</u>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.755.909.158	1.734.419.904
Cộng	<u>3.755.909.158</u>	<u>1.734.419.904</u>
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(13.623.912.791)	(30.768.960.815)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(13.623.912.791)	(30.768.960.815)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.959.982	11.959.982
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(1.139)</u>	<u>(2.573)</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>11.959.982</u>	<u>11.959.982</u>
10b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.884.665	111.467.162
Chi phí nhân công	3.887.223.969	6.007.900.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.784.865.254	6.095.855.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.736.372.109	690.895.820
Dự phòng/(Hoàn nhập) phải thu khó đòi	(6.399.870.728)	3.872.442.101
Chi phí khác	560.807.195	3.149.811.874
Cộng	<u>4.622.282.464</u>	<u>19.928.372.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2018 có giá trị 94.496.782.579 VND, Tập đoàn đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và hi vọng sẽ được thanh toán.

Tập đoàn đang thực hiện vụ kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 25/10/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã ra bản án số 145/2016/HC-PT quyết định là hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm về khoản thuế TNDN bị truy thu này. Ngày 26/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra bản án số 10/2018/HC-ST về việc bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long về vấn đề trên. Và ngày 06/8/2018 Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tiếp tục gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận bản án này. Hiện tại, Tập đoàn đang ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Nếu như Tòa án nhân dân Vĩnh Long vẫn ra phán quyết Tập đoàn thắng kiện thì Tập đoàn sẽ thu hồi lại tiền thuế bị truy thu này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	634.500.000	626.000.000
Phụ cấp	-	1.452.000
Cộng	<u>634.500.000</u>	<u>627.452.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Docimexco	Công ty con của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Docimexco		
Thu lãi trả chậm	-	32.232.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.16a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

3a. **Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh lương thực.

3b. **Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 13.623.912.791 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 250.151.918.112 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 142.119.947.862 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, các thành viên Hội đồng quản trị và các cổ đông vẫn chưa có quyết định là có tiến hành tuyên bố phá sản. Các khoản nợ vay đang được ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi công nợ, đồng thời khoản công nợ phải thu khách hàng giữa Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long với Công ty Cổ phần Docimexco cũng đang tiến hành thi hành án và phát mãi tài sản của Công ty Cổ phần Docimexco để trả nợ cho Công ty Cổ phần Lương thực

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thực phẩm Vĩnh Long, do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long đã ký Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS về việc bán tài sản thi hành án là phần vốn góp của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tại Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long theo giấy chứng nhận vốn góp số 002/GCN-Salico cấp ngày 01/01/2007 trị giá 5.250.000.000 VND, theo đó Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long sẽ chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long với giá 31.017.500.000 VND để thi hành án. Đến ngày 20 tháng 02 năm 2019, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long đã bàn giao tài sản thi hành án này cho bên mua là Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh, nên việc chuyển nhượng đã được hoàn tất.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2019


Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập


Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY



Nguyễn Thuận